

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST

Ngày: 07 - 01 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Ông Bùi Trọng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình – C/v Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 350/2018/HSST, ngày 17 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2018/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

N; Sinh năm 1969; Tại tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C (đã chết) và con bà: M2 (đã chết), bị cáo có chồng là N2; sinh năm 1967 (đã ly hôn), bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1996. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27 tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Bà M; sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường R, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà H; sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà T; sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà T2; sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà H2; sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường V, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

1. Bà V; sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông B; sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 17/7/2018, N điều khiển xe mô tô biển số X, nhãn hiệu S, loại xe A, màu sơn đỏ, đi vòng quanh các tuyến đường trung tâm thành phố B, tìm người dân sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến trước cửa hàng tiện ích B, địa chỉ đường Đ, phường L2, thành phố B, N thấy bà M (là chủ cửa hàng), đang bán hàng. Lúc này, N dừng xe mô tô bên ngoài rồi đi vào trong cửa hàng. Tại đây, N nói bà M bán cho N 3 dây dầu xả vải và 01 chiếc khăn mặt, mục đích là để N có thời gian tìm tài sản trộm cắp. Lợi dụng trong lúc bà M đi vào lấy hàng và sơ hở trong việc quản lý tài sản, N lén lút dùng tay mở ngăn kéo tủ của bàn thu ngân, trộm cắp 01 hộp nhựa kích thước (20 x 20 x 10) cm bên trong đựng 104 card điện thoại các loại gồm: 02 card Viettel mệnh giá 500.000 đồng, 01 card Viettel mệnh giá 200.000 đồng, 04 card Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 10 card Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 15 card Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 15 card Viettel mệnh giá 10.000 đồng, 01 card Mobifone mệnh giá 500.000 đồng, 02 card Mobifone mệnh giá 200.000 đồng, 02 card Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 05 card Mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 06 card Mobifone mệnh giá 20.000 đồng, 15 card Mobifone mệnh giá 10.000 đồng, 04 card Vinaphone mệnh giá 500.000 đồng, 04 card Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 05 card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 05 card Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng và 08 card Vinaphone mệnh giá 10.000 đồng, đặt trên bàn thu ngân rồi dùng 01 chiếc khăn mặt để che hộp nhựa lại. Sau khi tính tiền xong, N dùng váy che nắng N đang mặc trên người che hộp nhựa đựng card điện thoại rồi cầm hộp nhựa đi ra ngoài xe mô tô biển số X tẩu thoát. Khi N điều khiển xe mô tô biển số X, đi đến ngã tư giao nhau giữa đường P và đường C2, phường L, thành phố B, N lấy toàn bộ số card điện thoại cất giấu vào túi và vứt bỏ hộp nhựa đựng card điện thoại bên lề đường (không nhớ rõ địa điểm), nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không thu giữ được. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số X đi đến tiệm tạp hoá Q, địa chỉ: Đường V, phường L2, thành phố B, N bán số card điện thoại trộm cắp được cho chị H2, là chủ tiệm tạp hoá. Chị H2 kiểm tra xác định tổng trị giá card điện thoại là 7.000.000 đồng nhưng chị H2 thoả thuận mua số card điện thoại trên với giá 6.700.000 đồng, thì N đồng ý bán. Số tiền

này N sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi chị H2 mua card điện thoại của N, chị H2 đã bán lại cho nhiều người khách đi đường (không rõ nhân thân lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không thu giữ được. Ngày 26/7/2018, bà M đã viết đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tự nguyện giao nộp 1 USB chứa hình ảnh N trộm cắp tài sản, để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 257/KLĐG ngày 26/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận:

- 07 card điện thoại loại mệnh giá 500.000 đồng, gồm: 02 card Viettel, 01 card Mobifone, 04 card Vinaphone, trị giá: $07 \times 475.000 \text{ đồng} / \text{card} = 3.325.000 \text{ đồng}$;

- 03 card điện thoại loại mệnh giá 200.000 đồng, gồm: 01 card Viettel, 02 card Mobifone, trị giá: $03 \times 190.000 \text{ đồng} / \text{card} = 570.000 \text{ đồng}$;

- 10 card điện thoại loại mệnh giá 100.000 đồng, gồm: 04 card Viettel, 02 card Mobifone, 04 card Vinaphone, trị giá: $10 \times 95.000 \text{ đồng} / \text{card} = 950.000 \text{ đồng}$;

- 20 card điện thoại loại mệnh giá 50.000 đồng, gồm: 10 card Viettel, 05 card Mobifone, 05 card Vinaphone, trị giá: $20 \times 47.500 \text{ đồng} / \text{card} = 950.000 \text{ đồng}$;

- 26 card điện thoại loại mệnh giá 20.000 đồng, gồm: 15 card Viettel, 06 card Mobifone, 05 card Vinaphone, trị giá: $26 \times 19.000 \text{ đồng} / \text{card} = 494.000 \text{ đồng}$;

- 38 card điện thoại loại mệnh giá 10.000 đồng, gồm: 15 card Viettel, 15 card Mobifone và 08 card Vinaphone, trị giá: $38 \times 9.500 \text{ đồng} / \text{card} = 361.000 \text{ đồng}$;

- 01 hộp nhựa kích thước khoảng (20x20x10) cm, trị giá: 10.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản: 6.660.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/7/2018, N điều khiển xe mô tô biển số X đi quanh các tuyến đường trung tâm thành phố B, để tìm tài sản trộm cắp. Khi N đi đến cửa hàng tạp hoá H, địa chỉ: Đường Y, phường L, thành phố B, do chị H, làm chủ. Lúc này, N thấy chị V (là cháu của chị H) đang trông coi cửa hàng, N dừng xe mô tô bên ngoài rồi đi vào trong cửa hàng. Tại đây, N hỏi chị V mua 01 chai nước suối và 01 cuộn giấy vệ sinh, mục đích là để N có thời gian tìm tài sản trộm cắp. Lợi dụng lúc chị V sơ hở trong việc quản lý tài sản, N lén lút mở ngăn tủ tại quầy thu ngân trộm cắp 01 hộp nhựa có chữ “Đại đồng tiền”, kích thước (20 x 04 x 09) cm, bên trong đựng 113 card điện thoại các loại gồm: 41 card Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 04 card Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 05 card Viettel mệnh giá 10.000 đồng, 15 card Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 09 card Mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 11 card Mobifone mệnh giá 20.000 đồng, 11 card Mobifone mệnh giá 10.000 đồng, 01 card Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 03 card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 09 card Vinaphone mệnh giá 10.000

đồng, 01 card Vietnammobile mệnh giá 50.000 đồng và 03 card Vietnammobile mệnh giá 10.000 đồng, cất giấu trên kệ hàng gần đó rồi dùng giấy vệ sinh che lại, thì bị chị V phát hiện tri hô. Do lo sợ nên N bỏ lại hộp nhựa bên trong đựng card điện thoại các loại cùng xe mô tô biển số X, rồi tẩu thoát về hướng đường P, thành phố B, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện tạm giữ 01 xe mô tô biển số X, 01 váy che nắng bằng vải màu đen đỏ trắng, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, áo khoác bằng vải dài tay màu xanh đỏ, 02 chiếc bao tay bằng vải màu vàng nâu, có in hình chữ “Good lucky, H.Fennic” và 01 quần dài bằng vải, sọc màu xanh. Ngày 26/7/2018, chị H làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột và tự nguyện giao nộp 01 hộp nhựa có chữ “Đại đồng tiến”, bên trong đựng 113 card điện thoại các loại, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 184/KLĐG ngày 20/8/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Công an thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

- 57 card điện thoại loại mệnh giá 100.000 đồng, gồm: 41 card Viettel, 15 card Mobifone, 01 card Vinaphone, trị giá: $57 \times 95.000 \text{ đồng/ card} = 5.415.000 \text{ đồng}$;

- 17 card điện thoại loại mệnh giá 50.000 đồng, gồm: 04 card Viettel, 09 card Mobifone, 03 card Vinaphone, 01 card Vietnammobile, trị giá: $17 \times 47.500 \text{ đồng/ card} = 807.500 \text{ đồng}$;

- 11 card điện thoại Mobifone mệnh giá 20.000 đồng, gồm: $11 \times 19.000 \text{ đồng/ card} = 209.000 \text{ đồng}$;

- 28 card điện thoại loại mệnh giá 10.000 đồng, gồm: 05 card Viettel, 11 card Mobifone, 09 card Vinaphone, 03 card Vietnammobile, trị giá: $28 \times 9.500 \text{ đồng/ card} = 266.000 \text{ đồng}$;

- 01 hộp nhựa có chữ “Đại đồng tiến”, kích thước (20 x 4 x 9)cm, trị giá: 10.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản: 6.707.500 đồng.

Quá trình điều tra xác định: 01 hộp nhựa có chữ “Đại đồng tiến” kích thước (20 x 4 x 9) cm và 113 card điện thoại các loại, là các tài sản của chị H. Do vậy, ngày 27/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản trên cho chị H nhận quản lý, sử dụng.

Đối với xe mô tô biển số X, nhãn hiệu S, loại xe A, màu sơn đỏ, số khung: X1, số máy: X2, quá trình điều tra xác định: xe mô tô trên là tài sản của chị T2 (là con gái của bị cáo N). Ngày 10/6/2018, chị T2 mua xe mô tô biển số X của chị T nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ theo quy định của pháp luật. Do vậy, ngày 27/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô biển số X cho chị T2 nhận quản lý sử dụng.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKS.BMT, ngày 14/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo N mức án từ 15 (mười năm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 hộp nhựa có chữ “Đại đồng tiền” kích thước (20 x 4 x 9) cm và 113 card điện thoại các loại cho chị H là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại xe mô tô biển số X, nhãn hiệu S, loại xe A, màu sơn đỏ, số khung: X1, số máy: X2 cho chị T2 là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Đối với 01 váy che nắng bằng vải màu đen đỏ trắng, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, áo khoác bằng vải dài tay màu xanh đỏ, 02 chiếc bao tay bằng vải màu vàng nâu, có in hình chữ “Good lucky, H.Fennic” và 01 quần dài bằng vải, sọc màu xanh, quá trình điều tra xác định là tư trang của bị cáo N mặc trên người khi phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự của vụ án:

- Chấp nhận việc bị cáo N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà M số tiền 7.000.000 đồng (trị giá 01 hộp nhựa và 104 card điện thoại các loại) là tài sản bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được.

Bị cáo N không bào chữa và tham gia tranh luận gì. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo N tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án: Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu sài vào ngày 17/7/2018 bị cáo N đã lén lút trộm cắp tài sản của bà M 01 hộp nhựa kích thước (20 x 20 x 10) cm bên trong đựng 104 card điện thoại các loại trị giá 6.660.000 đồng. Ngày 25/7/2018 bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bà H hộp nhựa có chữ “Đại đồng tiền”, kích thước (20 x 04 x 09)cm, bên trong đựng 113 card điện thoại các loại trị giá 6.707.500 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.367.500 đồng.

Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Bị cáo là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết được rằng tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do tham lam tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định thì mới phát huy được tác dụng giáo dục nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong đấu tranh chống tội phạm.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thiệt hại về tài sản xảy ra không lớn, một phần tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại bà M, bà M có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Bị cáo phạm tội 02 lần, do vậy bị

cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Đối với hành vi của bà T2 cho bị cáo N mượn xe mô tô biển số X. Việc bị cáo N sử dụng xe mô tô trên sử dụng vào phạm tội, bà T2 không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với bà H2, là người mua 104 card điện thoại của bị cáo N, nhưng bà H2 không biết đây là tài sản do bị cáo N trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 hộp nhựa có chữ “Đại đồng tiến” kích thước (20 x 4 x 9) cm và 113 card điện thoại các loại cho chị H là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại xe mô tô biển số X, nhãn hiệu S, loại xe A, màu sơn đỏ, số khung: X1, số máy: X2 cho chị T2 là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Đối với 01 váy che nắng bằng vải màu đen đỏ trắng, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, 01 áo khoác bằng vải dài tay màu xanh đỏ, 02 chiếc bao tay bằng vải màu vàng nâu, có in hình chữ “Good lucky, H.Fennic” và 01 quần dài bằng vải, sọc màu xanh, quá trình điều tra xác định là tư trang của bị cáo N mặc trên người khi phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Do vậy, cần tịch thu tiêu huỷ là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự của vụ án:

- Chấp nhận việc bị cáo N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà M số tiền 7.000.000 đồng (trị giá 01 hộp nhựa và 104 card điện thoại các loại) là tài sản bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được. Bà M nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[8] Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo N 12 (mười hai) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 hộp nhựa có chữ “Đại đồng tiến” kích thước (20 x 4 x 9) cm và 113 card điện thoại các loại cho chị H là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại xe mô tô biển số X, nhãn hiệu S, loại xe A, màu sơn đỏ, số khung: X1, số máy: X2 cho chị T2 là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 váy che nắng bằng vải màu đen đỏ trắng, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, 01 áo khoác bằng vải dài tay màu xanh đỏ, 02 chiếc bao tay bằng vải màu vàng nâu, có in hình chữ “Good lucky, H.Fennic” và 01 quần dài bằng vải, sọc màu xanh là tư trang của bị cáo N mặc trên người khi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

(Hiện toàn bộ vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/12/2018 lưu tại hồ sơ).

Về trách nhiệm dân sự của vụ án:

- Chấp nhận việc bị cáo N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà M số tiền 7.000.000 đồng (trị giá 01 hộp nhựa và 104 card điện thoại các loại) là tài sản bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được. Bà M nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh,VKSND TP.BMT ;
- P.NV&THA TAND tỉnh,Công an TP.BMT;
- CCTHA DSTP,THA phạt tù(để thi hành) ;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; bị hại;
- Chánh án; các đương sự
- Lưu: HS, VP.

Nguyễn Duy Dương